

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường
Trung học cơ sở Nguyễn Chí Thanh
Năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học. Có đầy đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, GCN hoàn thành chương trình tiểu học.			
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chương trình 37 tuần theo Quy định của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo và chương trình nhà trường. - Đảm bảo dạy đủ các môn học theo quy định.			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường tổ chức giảng dạy và giáo dục học sinh theo qui định của Bộ GD & ĐT. - Gia đình quản lý việc học và làm bài ở nhà của học sinh; thường xuyên kết hợp chặt chẽ với nhà trường. - Học sinh chuẩn bị và làm bài đầy đủ, chủ động tích cực trong học tập.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tổ chức các hoạt động và phong trào thi đua học tốt. - Tổ chức các phong trào giáo dục truyền thống, đạo đức, pháp luật và phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bệnh tật. - Tổ chức các hoạt động rèn kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Không có học sinh vi phạm pháp luật. - Hạnh kiểm khá tốt đạt 99,5% trở lên. - Học sinh lên lớp thẳng 95% - Học sinh tốt nghiệp THCS 100% - 100% học sinh có đủ sức khỏe để tham gia học tập.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Học sinh có khả năng tiếp thu học tập ở cấp học cao hơn. - 95% học sinh tham gia học tiếp sau tốt nghiệp THCS.			

Đăk Mil, ngày 09 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



★ Nguyễn Tiến Hạnh

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường
Trung học cơ sở Nguyễn Chí Thanh năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1033	326	283	182	242
1	Tốt	967 (93,61%)	298 (91,41%)	270 (95,41%)	169 (92,86%)	230 (95,04%)
2	Khá	66 (6,39%)	28 (8,59%)	13 (4,59%)	13 (7,14%)	12 (4,96%)
3	Trung bình	0	0	0	0	0
4	Yếu	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1033	326	283	182	242
1	Giỏi	306 (29,62%)	84 (25,77%)	107 (37,81%)	50 (27,47%)	65 (26,86%)
2	Khá	411 (39,79%)	105 (32,21%)	110 (38,87%)	81 (44,51%)	115 (47,52%)
3	Trung bình	284 (27,49%)	117 (35,89%)	59 (20,85%)	46 (35,27%)	62 (25,62%)
4	Yếu	32 (3,10)	20(6,13)	07(2,47)	05(2,75)	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp	100%	100%	100%	100%	100 %
a	Học sinh giỏi	29,62%	25,77%	37,81%	27,47%	26,86%
b	Học sinh tiên tiến	39,79%	32,21%	38,87%	44,51%	47,52%
2	Thi lại	3,10%	6,13%	2,47%	2,75%	
3	Lưu ban	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi	10	3	2	1	4
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	02	1	1	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	25	1	4	9	11
1	Cấp huyện	50	7	8	6	29
2	Cấp tỉnh/thành phố	22				22
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	242				242
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	242				242

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1	Giỏi	26,86%				26,86%
2	Khá	47,52%				47,52%
3	Trung bình	25,62%				25,62%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ					
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số					

Đắk Mil, ngày 22 tháng 05 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



 TRƯỜNG
 TRUNG HỌC CƠ SỞ
 NGUYỄN CHÍ THÀNH

Nguyễn Tiên Hạnh

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường
Trung học cơ sở Nguyễn Chí Thanh
Năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Ghi chú
A	Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m ²):	15336m2		
I	1. Khối phòng học theo chức năng:	31		
1	a) Số phòng học văn hoá:	27		
2	b) Số phòng học bộ môn:	4		
3	- Phòng học bộ môn Vật lý:			
4	- Phòng học bộ môn Hoá học:	2		
5	- Phòng học bộ môn Sinh học:			
6	- Phòng học bộ môn Tin học:	2		
7	- Phòng học bộ môn Ngoại ngữ:			
8	- Phòng học bộ môn khác:			
II	2. Khối phòng phục vụ học tập:	4		
1	- Phòng giáo dục rèn luyện thể chất hoặc nhà đa năng:	1		
2	- Phòng thiết bị giáo dục:	1		
3	- Phòng truyền thống	1		
4	- Phòng Đoàn - Đội	1		
III	3. Khối phòng hành chính quản trị			
1	- Phòng Hiệu trưởng	1		
2	- Phòng Phó Hiệu trưởng:	2		
3	- Phòng làm việc của giáo viên:	1		
4	- Diện tích văn phòng (m ²):	70		
5	- Diện tích phòng y tế học đường (m ²):	20		
6	- Diện tích kho (m ²):	15		
7	- Diện tích phòng thường trực, bảo vệ (m ²):	15		
8	- Khu nhà ăn, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khoẻ học sinh bán trú (nếu có)			
9	- Diện tích đất làm sân chơi, sân tập (m ²):	6900		
10	- Số phòng vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên:	2		
11	- Số phòng vệ sinh học sinh:	3		
12	- Diện tích khu để xe học sinh (m ²):	178		
13	- Diện tích khu để xe giáo viên và nhân viên	125		

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Ghi chú
	(m ²):			
IV	4. Thư viện:			
1	a) Diện tích (m ²) thư viện	78m2		
2	b) Tổng số đầu sách trong thư viện:	2480		
3	c) Máy tính của thư viện đã được kết nối internet ?	1		
4	d) Các thông tin khác (nếu có)...			
V	5. Tổng số máy tính của trường:	86		
1	- Số máy tính dùng cho văn phòng và quản lý:	10		
2	- Số máy tính đang được kết nối internet:	86		
3	- Dùng phục vụ học tập:	76		
VI	6. Số thiết bị nghe nhìn:			
1	- Tivi:	26		
2	- Nhạc cụ:	4		
3	- Đầu Video:	01		
4	- Đầu đĩa:	2		
5	- Máy chiếu OverHead:	1		
6	- Máy chiếu Projector:	10		
7	- Thiết bị khác:...	6		

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập					
1	Phòng học					
a	Kiên cố	22	22	22	22	22
b	Bán kiên cố	5	5	5	5	5
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
2	Phòng học bộ môn					
a	Kiên cố	3	3	3	3	3
b	Bán kiên cố	0	2	2	2	2
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
3	Khối phục vụ học tập					
a	Kiên cố	1	1	1	1	1
b	Bán kiên cố	1	1	1	1	1
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính – Quản trị					
1	Kiên cố	0	0	0	0	0
2	Bán kiên cố	3	3	3	3	3

3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Thư viện	2	2	2	2	2
IV	Các công trình, khối chức năng khác (nếu có)					
1	Nhà vệ sinh	2	4	4	4	4
2	Nhà để xe	2	2	2	2	2

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	0	2	0	2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

TT	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Đắk Mil, ngày 22 tháng 05 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Tiến Hạnh

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Trường trung học cơ sở Nguyễn Chí Thanh năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	54		3	50	1	0		5	44	0	54			
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	47		2	44	1	0		4	43					
1	Toán	9			9					9					
2	Lý	3			3					3					
3	Hóa	1			1					1					
4	Văn	7		1	6				1	6					
5	Sử	3			3					3					
6	Địa	3			3					3					
7	Tiếng Anh	5			5					5					
8	Mĩ thuật	1			1					1					
9	Âm nhạc	3			3					3					
10	Thể dục	4			3	1			1	3					
11	Tin	3			3					3					
12	Sinh học	5		1	5					5					
II	Cán bộ quản lý	3		1	2				2	3					
1	Hiệu trưởng	1		1	1					1					
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2					
III	Nhân viên														

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	54		3	50	1	0		5	44	0	54			
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	...														

Đăk Mil, ngày 22 tháng 5 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị


 TRƯỜNG
 TRUNG HỌC CƠ SỞ
 NGUYỄN CHÍ THANH
 Ủy Ban Nhân Dân H. Đăk Mil - T. Đăk Nông

Nguyễn Tiến Hạnh